

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 3 – 2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Dũng Phương.

2. Ông Hà Văn Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2018/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử số 03/TB-TA ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B – sinh năm 1983. (có mặt)

HKTT: Tổ 5, Khu 8, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Tổ 4, Khu 7, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H – sinh năm: 1974. (vắng mặt)

HKTT: Tổ 5, Khu 8, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới sống chung vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/5/2008. Vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau. Thậm chí anh H thường xuyên đánh đập chị vô cớ và nhốt chị một mình trong nhà khi hai vợ

chồng cự cãi nhau. Ngoài ra anh H còn nghi ngờ chị quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Tháng 9/2018, chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phú giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nên chị đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018. Nhưng từ khi rút đơn khởi kiện về đến nay, tình hình vẫn không được cải thiện. Từ tháng 9/2018 vợ chồng chị sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Lê Xuân H1 – sinh ngày: 29/9/2013.

Từ khi chị và anh H ly thân nhau đến nay, cháu H1 sống cùng chị.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị B đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị B (bản sao); CMND của anh H (photo); Đơn xin xác nhận hộ khẩu (photo); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Bảng lương của chị B (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 18/10/2018 đối với ông Lê Phú S; Biên bản xác minh ngày 22/10/2018 đối với ông Nguyễn Văn H2. Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn H: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh H đến Tòa án làm việc nhưng anh H không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị B và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- + Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Nguyễn Lê Xuân H1 – sinh ngày: 29/9/2013 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H do chị B không yêu cầu.
- + Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết. Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.
- + Về nợ chung: Chị B kê khai không có. Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.
- + Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H. Anh H đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H tự nguyện sống chung với nhau vào năm sống chung vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/5/2008. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay chị B yêu cầu ly hôn với anh H thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, cả hai anh chị không cùng nhau quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Do đó trong cuộc sống chung chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Tháng 9/2018, chị B đã làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh H. Nhưng sau đó chị đã tự nguyện rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Tân Phú ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải nhưng anh H không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh H không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 28 – 29).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị B có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị B là cho chị được ly hôn với anh H là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung là Nguyễn Lê Xuân H1 – sinh ngày: 29/9/2013.

Xét thấy bản thân chị B có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị B và anh H sống ly thân đến nay, cháu H1 sống cùng chị B. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Lê Xuân H1 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H do chị B không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4]. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về nợ chung: Chị B kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Bình nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị B chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

Cho chị Lê Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung là Nguyễn Lê Xuân H1 – sinh ngày: 29/9/2013.

Giao cháu Nguyễn Lê Xuân H1 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 007028 ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Chị B có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Núi Tượng: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 21, cấp ngày 20/5/2008);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam